

ƯU ĐÃI THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

Diệp Mỹ Nhân⁵¹

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, các quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam được hoàn thiện phù hợp hơn với tình hình thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo công bằng và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai các chính sách quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn một số hạn chế, đòi hỏi cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy định quản lý thuế đối với đối tượng này. Chính vì lẽ đó, nội dung bài viết này chính là xác định những vấn đề khó khăn, bất cập trong quy định của pháp luật về vấn đề ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hệ thống kinh tế tư nhân, đồng thời đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện cơ chế ưu đãi, đảm bảo sự phát triển bền vững của kinh tế tư nhân nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Từ khóa: Thuế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tư nhân

Abstract: In recent years, regulations on corporate income tax incentives for small and medium-sized enterprises in Vietnam have been improved to be more consistent with the actual situation in order to improve management efficiency and ensure public safety. and support business development.

However, in the process of implementing policies and regulations on corporate income tax incentives for small and medium-sized enterprises, there are still some limitations, requiring further improvement of the tax management system for small and medium enterprises. with this object. Therefore, the content of this article is to identify difficulties and inadequacies in the legal provisions on tax incentives for small and medium-sized enterprises in the private economic system, and at the same time propose a number of appropriate solutions to improve the incentive mechanism, ensure the sustainable development of the private economy in particular and the economy in general.

Keywords: Tax, small and medium enterprises, private economy

1. Khái quát chung

1.1. Vai trò của kinh tế tư nhân

Như chúng ta biết, kinh tế tư nhân là loại hình kinh tế phổ biến và chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế hiện nay. Việt Nam hiện có khoảng trên 800 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm khoảng 98%⁵². Trong những năm qua, doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp vào GDP, tạo công ăn việc làm, ổn định kinh tế, mở rộng thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn gặp những khó khăn do tác động từ các yếu tố

⁵¹ Thạc sĩ - Giảng viên Trường Đại học Nam Cần Thơ

⁵² Nguyễn Thị Kim Lý, 2020, Một số giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển, Tạp chí Tài chính

khách quan và chủ quan, ảnh hưởng đến sự phát triển, hạn chế về quy mô, mức độ đóng góp vào nền kinh tế.

Nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân đã có những bước tiến quan trọng, ngày càng tích cực hơn. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách từng bước được hoàn thiện. Quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh của cá nhân và tổ chức được thể chế hóa và được pháp luật bảo vệ. Phương thức quản lý của Nhà nước đối với kinh tế tư nhân được đổi mới phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Từ khi thực hiện Nghị quyết trung ương 5 khoá 9 "Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân", kinh tế tư nhân ở nước ta đã không ngừng phát triển, đóng góp ngày càng lớn hơn vào sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Muốn phát triển kinh tế tư nhân thì cần nhìn nhận vấn đề từ nhiều khía cạnh, vấn đề không thể thiếu ở đây chính là cơ chế chính sách đặt ra cho kinh tế tư nhân. Chính vì lẽ đó, vấn đề cấp thiết hiện nay là cần có những chính sách ưu đãi hỗ trợ đặc biệt về thuế nhằm thúc đẩy kinh tế tư nhân ngày càng phát triển và đạt nhiều thành tựu trong nền kinh tế đất nước.

1.2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là doanh nghiệp có quy mô nhỏ về vốn, số lượng lao động hay doanh thu. Theo quy định của pháp luật doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây: Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng; Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng⁵³. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa được thể hiện như sau:⁵⁴

Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ. Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng.

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ. Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng.

⁵³ Khoản 1 Điều 4 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017

⁵⁴ Điều 6 Nghị định 39/2018/NĐ-CP

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường chiếm tỷ trọng lớn, thậm chí áp đảo trong tổng số doanh nghiệp. Hiện nay có tổng số 95% các doanh nghiệp đăng ký hoạt động tại Việt Nam hoạt động dưới mô hình này. Vì thế, đóng góp của họ vào tổng sản lượng và tạo việc làm là rất đáng kể. Nhận biết được tầm quan trọng của doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời để tiếp tục thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo phù hợp với nguyên tắc tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đảm bảo phù hợp với khả năng hỗ trợ của nhà nước trong từng thời kỳ thì việc nghiên cứu đề xuất mức thuế phù hợp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa là rất cần thiết.

2. Một số vấn đề liên quan đến thuế của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Mặc dù theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017, doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp⁵⁵. Tuy vậy, theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) năm 2013 quy định về ưu đãi thuế suất thuế TNDN cho DN NVV. Các DN có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng được áp dụng thuế suất là 20% trong giai đoạn từ ngày 01/7/2013 đến hết năm 2015 (thuế suất thuế TNDN phổ thông áp dụng đối với các đối tượng khác là 22%). Kể từ ngày 01/01/2016, trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất 22% chuyển sang áp dụng thuế suất 20%.⁵⁶ Như vậy, kể từ năm 2016, tất cả các DN áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%, không phân biệt doanh thu trên hay dưới 20 tỷ đồng. Điều này đồng nghĩa là DN NVV không có chính sách ưu đãi thuế TNDN riêng.

Trước tình hình dịch bệnh covid 19 diễn biến phức tạp như hiện nay, nhiều doanh nghiệp lâm vào tình trạng suy thoái do nhiều yếu tố khách quan như hạn chế tiêu dùng, hàng hóa xuất nhập khẩu khan hiếm, thiếu nhân công do thực hiện giãn cách xã hội làm cho hoạt động sản xuất trì trệ... Hơn lúc nào hết, đây là giai đoạn cần thiết đòi hỏi Nhà nước phải có những chính sách hỗ trợ nhằm hạn chế những rủi ro đến mức thấp nhất và giúp các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua khó khăn và duy trì sản xuất. Một trong những chính sách hỗ trợ được đề cập đến trong giai đoạn hiện nay, không thể không kể đến chính sách hỗ trợ về thuế đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Mặc dù pháp luật Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong việc ban hành những quy định về ưu đãi thuế đối với các DN NVV, nhưng trên thực tế việc áp dụng các quy định này còn gặp phải rất nhiều khó khăn cụ thể:

Thứ nhất, chính sách ưu đãi về thuế được quy định rộng rãi đối với nhiều đối tượng nhưng trên thực tế việc áp dụng những ưu đãi này chưa thật sự hiệu quả. Nhiều doanh nghiệp chưa biết hoặc chưa được hưởng mức ưu đãi này do nhiều yếu tố từ khách quan cho đến chủ quan.

Thứ hai, Luật Hỗ trợ DN NVV ra đời từ năm 2017 đã đánh dấu sự cải cách chính sách thuế TNDN mang tính dài hạn cho DN NVV, nhưng cho đến nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể là DN NVV được hưởng mức thuế suất thuế TNDN bao nhiêu. Điều này gây khó khăn rất lớn trong việc áp dụng và ban hành mức thuế suất phù hợp tại từng địa phương. Bất cập này dễ dẫn đến tình trạng áp dụng sai, không khách quan cũng như gây mất niềm tin trong nhân dân.

⁵⁵ Khoản 1 Điều 10 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017

⁵⁶ Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 sửa đổi bổ sung 2013

Thứ ba, theo quy định của pháp luật hiện hành thì doanh nghiệp siêu nhỏ được áp dụng các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán⁵⁷. Song thực tế hiện nay còn có một số thủ tục rườm rà, phức tạp, nhất là đối với DNNVV với bộ máy kế toán còn chưa chuyên nghiệp, mang tính kiêm nhiệm.

Thứ tư, sự yếu kém từ nội tại các DNNVV dẫn tới trình độ hiểu biết về pháp luật còn rất nhiều hạn chế. Doanh nghiệp thiếu tính minh bạch về hoạt động sản xuất, kinh doanh nên nhiều DNNVV không được hưởng chính sách ưu đãi về thuế hoặc chưa tận dụng được tối đa những ưu đãi của pháp luật thuế.

Thứ năm, ý thức chấp hành pháp luật còn yếu kém của một số doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện tốt quy định của pháp luật về lao động, né tránh đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động, tình trạng trốn thuế, gian lận thuế tràn lan gây thất thu ngân sách đồng thời ảnh hưởng xấu đến quá trình thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Từ những khó khăn, bất cập kể trên, một số giải pháp đề xuất được tác giả đề cập đến ở mục tiếp theo nhằm góp phần hạn chế những vướng mắc còn tồn đọng và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này.

3. Đề xuất một số giải pháp về thuế góp phần phát triển kinh tế tư nhân

Như đã đề cập ở các nội dung trên, một trong những giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay không thể không kể đến các chính sách ưu đãi hỗ trợ về thuế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mặc dù pháp luật hiện hành đã có những quy định cụ thể về ưu đãi thuế đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, nhưng trên thực tế các doanh nghiệp này vẫn chưa thật sự hoạt động hiệu quả do nhiều yếu tố khách quan. Chính vì lẽ đó, cần thiết phải đề xuất những phương hướng mới cho phù hợp với tình hình hiện tại, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tư nhân nói riêng và nền kinh tế đất nước nói chung.

Tham khảo ở một số nước ta có thể thấy, đối với chính sách ưu đãi thuế thì các nước thường sử dụng tiêu chí doanh thu hoặc thu nhập chịu thuế (doanh thu hoặc thu nhập chịu thuế ở mức thấp thì được miễn, giảm hoặc áp dụng mức thuế suất thấp hơn).

Điển hình như ở Thái Lan, mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20% nhưng các DNNVV cũng được áp dụng thuế suất ưu đãi ở mức thấp hơn. Theo đó, các DNNVV có thu nhập chịu thuế từ 300.000 bạt Thái trở xuống được miễn thuế, từ 300.001 - 3.000.000 bạt Thái được áp dụng mức thuế suất 15% và trên 3.000.000 bạt áp dụng mức thuế suất 20%. Ở Indonesia, thuế suất thuế TNDN phổ thông là 25%. DN có doanh thu nhỏ hơn 4,8 tỷ rupi được áp dụng mức thuế suất 1% tính trên doanh thu năm. DN có doanh thu từ 4,8 tỷ rupi đến 50 tỷ rupi được áp dụng mức thuế suất 12,5% đối với phần thu nhập chịu thuế tương ứng với mức doanh thu 4,8 tỷ rupi (giảm 50% so với mức thuế suất phổ thông).⁵⁸

Bên cạnh đó, ở một số quốc gia như Hàn Quốc, Hà Lan... không có quy định về mức thuế suất thuế TNDN phổ thông cũng như mức thuế ưu đãi đối với DNNVV. Tuy nhiên, ở các quốc gia này, thuế TNDN được đánh lũy tiến với các mức thuế suất cao hơn áp dụng đối với phần thu nhập chịu thuế ở mức cao. Hàn Quốc áp dụng mức thuế suất 10% đối với 200 triệu Won

⁵⁷ Khoản 2 Điều 10 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017

⁵⁸ Ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, 2017, Tạp chí Tài chính

chịu thuế đầu tiên, 20% đối với phần thu nhập chịu thuế từ 200 triệu Won đến 20 tỷ Won, 22% đối với phần thu nhập chịu thuế trên 20 tỷ Won. Hà Lan áp dụng thuế suất 20% đối với 200.000 EUR thu nhập chịu thuế đầu tiên, 25% đối với phần thu nhập chịu thuế vượt 200.000 EUR...

Trước tình hình xã hội gặp nhiều biến động như hiện nay, đồng thời tiếp thu trên cơ sở có chọn lọc kinh nghiệm từ các nước trên thế giới, người viết đề xuất một số giải pháp góp phần tháo gỡ phần nào những vướng mắc, bất cập làm cản trở sự phát triển bền vững của các DNNVV cũng như nền kinh tế tư nhân như sau:

Thứ nhất, cần rà soát lại tổng thể để loại bỏ những chính sách ưu đãi thuế không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực NSNN theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 25/2016/QH14: “Rà soát, thu hẹp diện miễn, giảm thuế... hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các luật thuế. Rà soát các chính sách ưu đãi thuế”⁵⁹.

Thứ hai, điều chỉnh giảm thuế suất đối với DNNVV, mặc dù giảm thuế suất thuế TNDN, sẽ dẫn đến giảm thu NSNN, nhưng sẽ kích thích đầu tư, tăng GDP, đảm bảo tính cạnh tranh của Việt Nam với khu vực và trên thế giới. Mức thuế suất được đề xuất có thể từ 15% đến 17% tùy vào từng đối tượng hoặc từng doanh nghiệp có mức doanh thu hàng năm khác nhau. Chẳng hạn như theo quy định của Luật Thuế TNDN hiện hành, doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá hai mươi tỷ đồng đang được áp dụng thuế suất 20% thì có thể được đề xuất áp dụng mức thuế suất 17%. Tương tự như vậy, mức thuế suất này có thể được điều chỉnh thấp hơn đối với một mức doanh thu thấp hơn.

Thứ ba, tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính thuế đối với DNNVV như: DN siêu nhỏ chỉ nộp tờ khai thuế TNDN 11 lần/năm; tờ khai thuế TNDN nên được thiết kế đơn giản hơn, chỉ cần một số chỉ tiêu (Doanh thu; chi phí trong năm; thu nhập trong năm; các khoản điều chỉnh mà không cần kèm theo các Phụ lục hay báo cáo tài chính như hiện tại)...

Thứ tư, cần đưa ra những khuyến khích mạnh mẽ đối với việc kê khai thu nhập, khuyến khích việc thực hiện các giao dịch minh bạch, rõ ràng qua ngân hàng; thực hiện tốt sổ sách, kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định pháp luật. Đồng thời, cơ quan thuế nên đưa ra những khuyến cáo đối với DNNVV về những rủi ro của kiểm toán và thanh tra, kiểm tra thuế; thực hiện truy tố trước pháp luật...

Thứ năm, áp dụng hình thức khấu trừ thuế đầu tư đối với DNNVV khi đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ kinh doanh. Một trong những khó khăn của DNNVV là thiếu vốn kinh doanh, vậy Nhà nước có thể hỗ trợ cho DN khi họ đầu tư mua sắm tài sản cố định phục vụ sản xuất kinh doanh thông qua hình thức khấu trừ thuế đầu tư (cho trừ chi phí đầu tư một lần khi tính thuế TNDN, hoặc giảm tỷ lệ % nhất định đối với các chi phí đầu tư khi tính thuế TNDN dựa trên giá trị tài sản cố định đầu tư). Để tránh trường hợp lợi dụng, có thể quy định cụ thể danh mục tài sản cố định được áp dụng hình thức này và thời gian tối thiểu thanh lý đối với tài sản này.

Thứ sáu, Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp tư nhân. Đẩy mạnh xây dựng nâng cao văn hóa doanh nghiệp và đạo đức doanh nhân. Hiện nay, thực trạng văn hóa Việt Nam, bên cạnh những cái tích cực thì còn nhiều yếu tố tiêu cực. Cần phải thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức tuân thủ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp và các chuẩn mực hành vi, ứng xử trong các doanh nghiệp tư nhân, tạo môi trường làm việc chuyên

⁵⁹ Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 25/2016/QH14

ngiệp, hạn chế rủi ro cho đạo đức nghề nghiệp có thể phát sinh; cũng như xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, gian lận (nếu có) để răn đe, phòng ngừa chung.

Bên cạnh đó, các DNNVV cần tăng cường đầu tư và ứng dụng công nghệ trong việc lập sổ sách kế toán, khai thuế và hải quan điện tử, giao dịch ngân hàng qua internet nhằm giảm chi phí giao dịch, kết nối và chia sẻ thông tin tài chính với các tổ chức tín dụng để dần minh bạch hóa thông tin tài chính, tạo lòng tin trên thị trường. Nâng cao chất lượng, trình độ quản trị DN, quản trị rủi ro và quản lý tài chính; Tích cực tham gia các hiệp hội doanh nghiệp để tiếp cận thông tin về các chính sách, chương trình hỗ trợ đối với DNNVV của Chính phủ, Nhà nước cũng như các tổ chức tín dụng.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan: (i) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế thông qua ban hành chế độ quản lý rủi ro đối với các DN thuộc đối tượng thanh tra/kiểm tra về thuế; tiếp tục sửa đổi quy định về hồ sơ hoàn thuế, phần mềm hỗ trợ công tác tự động xây dựng báo cáo hồ sơ hoàn thuế; nộp hồ sơ hoàn thuế qua mạng; xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý công tác hoàn thuế và thực hiện công khai để người được hoàn thuế biết được thông tin về tình trạng giải quyết hồ sơ hoàn thuế; (ii) Triển khai đồng bộ, rộng khắp ứng dụng công nghệ thông tin trong kê khai, nộp thuế, hoàn thuế, thanh toán tiền thuế qua di động, thanh toán qua internet; (iii) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để đảm bảo việc triển khai đầy đủ hệ thống thông quan điện tử...

4. Kết luận

Nhà nước đã có những chính sách ưu đãi, hỗ trợ về thuế cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, tuy nhiên việc đưa vào thực thi còn gặp rất nhiều hạn chế. Do đó, đòi hỏi các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải phù hợp với yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp cũng như môi trường kinh doanh. Theo đó, sự hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa phải dựa trên những nền tảng pháp lý, các quy định của pháp luật quốc gia, tuân thủ các cam kết quốc tế trong các hiệp định đa phương, song phương mà Việt Nam là thành viên. Việc hỗ trợ trên nguyên tắc này sẽ đảm bảo không tạo ra những rào cản pháp lý hay sự phân biệt đối xử giữa các DN.

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ về thuế, cần thiết bổ sung thêm những chính sách hỗ trợ khác vì DNNVV gặp khó khăn lớn nhất là hàng hóa tồn kho nhiều, lợi nhuận thấp hoặc bị lỗ, nên nếu chỉ áp dụng chính sách ưu đãi về thuế thì chưa thật sự phát huy tác dụng nhiều.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 sửa đổi, bổ sung 2014
- [2] Luật Doanh nghiệp 2014
- [3] Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017
- [4] Nghị quyết số 25/2016/QH14 về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020
- [5] Nghị định 139/2016/NĐ-CP quy định về lệ phí môn bài
- [6] Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa